

# NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN CỦA GIÁO DỤC VIỆT NAM TRONG LĨNH VỰC ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

Nguyễn Văn Hiệp – Phạm Văn Thịnh

*Trường Đại học Thủ Dầu Một*

## TÓM TẮT

*Qua việc thu thập, hệ thống tài liệu xuất phát từ nhiều nguồn khác nhau, trong nghiên cứu này chúng tôi sẽ cung cấp những thông tin cần thiết về cơ sở hình thành, quá trình triển khai, củng cố tổ chức, hoàn thiện chương trình và nội dung đào tạo, mở rộng qui mô, chú trọng chất lượng đào tạo sau đại học ở trong nước từ năm 1945 đến nay. Trên cơ sở hệ thống các bước phát triển, bước đầu chúng tôi nêu lên những thành tựu, hạn chế, một số bài học kinh nghiệm để kế thừa trong việc phát triển giáo dục – đào tạo hiện nay. Nghiên cứu này cũng góp phần bổ khuyết những mảng trống trong bức tranh toàn cảnh về sự nghiệp giáo dục - đào tạo ở Việt Nam, góp thêm luận cứ khoa học và thực tiễn để nhận thức đầy đủ hơn về hiện trạng giáo dục - đào tạo và hiện trạng đội ngũ cán bộ khoa học - kĩ thuật nước ta trong công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.*

**Từ khóa:** đào tạo, sau đại học, nghiên cứu sinh, cao học

\*

## KÌ II: MƯỜI NĂM TRIỂN KHAI, Củng cố tổ chức và hoàn thiện CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC TRONG NƯỚC (1976 – 1986)

### 1. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc đào tạo sau đại học trong nước

Với thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mĩ mùa xuân năm 1975, nước ta bước sang giai đoạn tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước. Trước tình hình và nhiệm vụ mới, đồng thời căn cứ vào hệ thống các trường đại học, viện nghiên cứu và đội ngũ cán bộ khoa học có phẩm chất chính trị và trình độ chuyên môn vững vàng trưởng thành trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc thời kì 1954 - 1975, ngày 24 tháng 5 năm 1976 Thủ tướng Chính phủ kí Quyết định số 224-TTg về việc đào tạo trên đại học ở trong nước,

đặt ra nhiệm vụ tự lực đào tạo cán bộ khoa học kĩ thuật có trình độ cao cả về chuyên môn và phẩm chất chính trị. Về chuyên môn, đào tạo trên đại học nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học kĩ thuật "có trình độ khoa học cơ bản vững, nắm được kiến thức hiện đại của một ngành khoa học kĩ thuật, có năng lực độc lập nghiên cứu khoa học kĩ thuật và năng lực giảng dạy ở bậc đại học, biết hướng dẫn nghiên cứu khoa học kĩ thuật ở mức độ nhất định" [7]. Về phẩm chất chính trị, đào tạo trên đại học nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ "trung thành với Tổ quốc, với chủ nghĩa xã hội, hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân, hăng hái phấn đấu thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà

nước...” [7]. Quyết định nêu rõ việc đào tạo trên đại học ở trong nước phải đảm bảo hai học vị phó tiến sĩ và tiến sĩ khoa học (theo hệ thống văn bằng của các nước xã hội chủ nghĩa lúc đó). Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp được Chính phủ giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác đào tạo trên đại học với nhiệm vụ cụ thể là: nghiên cứu phương hướng, chính sách, quy chế đào tạo, xác định các cơ sở đào tạo, lập danh sách hội đồng chấm thi tốt nghiệp cho nghiên cứu sinh trình Chính phủ phê duyệt, đồng thời hướng dẫn các cơ sở đào tạo nghiêm chỉnh thực hiện công tác đào tạo trên đại học và chuẩn bị cơ sở vật chất kĩ thuật phục vụ cho công tác đào tạo trên đại học được tiến hành thuận lợi.

## **2. Tổ chức đào tạo sau đại học trong nước giai đoạn 1976 – 1980**

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc đào tạo trên đại học ở trong nước là căn cứ pháp lí quan trọng, chính thức mở đầu cho quá trình đào tạo trên đại học ở trong nước. Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ, ngay trong năm 1976, Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp đã trình Chính phủ danh sách các trường đại học và viện nghiên cứu đủ điều kiện tham gia đào tạo trên đại học. Trong năm đầu tiên triển khai đào tạo sau đại học, hai cơ sở được Chính phủ phê duyệt là Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và Trường Đại học Bách khoa Hà Nội. Đây cũng là hai cơ sở đào tạo có đội ngũ cán bộ khoa học đông đảo, đủ khả năng bồi dưỡng nghiên cứu sinh về chính trị - tư tưởng, có thành tích trong nghiên cứu khoa học và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ có trình độ trên đại học đồng thời có cơ sở vật chất kĩ thuật cần thiết để thực hiện các luận án phó tiến sĩ khoa học. Đây cũng là hai cơ sở đã

thử nghiệm thành công việc bảo vệ luận án phó tiến sĩ ở trong nước trong những năm 1970 - 1975.

Đồng thời với việc xác định các cơ sở đào tạo, sau khi thống nhất ý kiến với Ủy ban Khoa học Nhà nước, Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp tiếp tục xác định các chuyên ngành đào tạo và dự kiến số lượng nghiên cứu sinh của từng chuyên ngành cho các cơ sở đào tạo. Danh mục 14 ngành khoa học để công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ, phó tiến sĩ được xác định gồm: sinh học, hóa học, địa lí - địa chất, kĩ thuật, nông nghiệp, y - dược, kinh tế, sư phạm - tâm lí, ngữ văn, lịch sử, triết học, luật học, nghệ thuật. Tất cả các chuyên ngành này đều thuộc lĩnh vực khoa học cơ bản. Đây là những chuyên ngành khoa học đang có nhu cầu bức thiết đồng thời có đủ điều kiện về cán bộ hướng dẫn, tài liệu nghiên cứu, thiết bị và cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu. Mặc dù các chuyên ngành đào tạo còn khá khiêm tốn nhưng hệ thống đào tạo trên đại học ở trong nước đã bước đầu hình thành và bao quát một số lĩnh vực quan trọng của khoa học kĩ thuật nước ta lúc đó.

Sau khi được giao nhiệm vụ đào tạo sau đại học, các trường đại học (đồng thời là cơ sở đào tạo sau đại học) đã khẩn trương chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho công tác đào tạo. Các bộ môn sẽ tham gia đào tạo sau đại học được củng cố. Một số bộ môn được sắp xếp lại theo hướng bộ môn mở rộng; một số cán bộ giảng dạy được lựa chọn để đào tạo và bồi dưỡng nhằm hình thành trong mỗi bộ môn một đội ngũ nòng cốt đảm bảo công tác đào tạo sau đại học. Công tác chuẩn bị tài liệu học tập và nghiên cứu được chú trọng. Hội đồng khoa học trường được củng cố và giao thêm chức năng tư vấn cho

hiệu trưởng về công tác đào tạo sau đại học cả về phương diện chuyên môn khoa học và tổ chức quản lí. Phòng quản lí khoa học của trường, ngoài chức năng quản lí khoa học, được giao thêm chức năng nghiên cứu, đề xuất các kế hoạch, biện pháp đào tạo và chủ trì một số khâu trong qui trình đào tạo sau đại học.

Cùng với việc tích cực củng cố các cơ sở đào tạo về mọi mặt, Chính phủ - mà trực tiếp là Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp - tiếp tục xây dựng các văn bản pháp lí nhằm hoàn thiện quy trình quản lí và đào tạo sau đại học. Ngày 10 tháng 6 năm 1977, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 218-TTg ủy nhiệm cho Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp thẩm tra và công nhận kết quả bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh. Tiếp đó, ngày 22 tháng 12 năm 1977, Chính phủ ban hành Quyết định số 498-TTg ủy nhiệm cho Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp xét duyệt danh sách những thành viên của Hội đồng chấm thi cho nghiên cứu sinh... Với các quyết định này, Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp đã có đủ cơ sở pháp lí để tổ chức đào tạo sau đại học trong nước.

Căn cứ các quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp khẩn trương xây dựng các qui định cho việc đào tạo sau đại học trong nước. Ngày 25/2/1977, Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp ban hành Thông tư 04/QLKH quy định tạm thời về đào tạo sau đại học ở trong nước nêu rõ mục tiêu đào tạo, xác định nguyên tắc và phương pháp tuyển chọn nghiên cứu sinh, tổ chức quá trình đào tạo, tổ chức bảo vệ luận án, công nhận học vị và một số vấn đề về chế độ, chính sách cần thiết cho công tác đào tạo.

Sau khi ban hành Thông tư 04/QLKH, Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp triển khai xây dựng các cơ sở đào tạo sau đại học. Cùng với các trường đại học, các cơ quan nghiên cứu thuộc Ủy ban Khoa học Kỹ thuật Nhà nước và Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam cũng được Chính phủ giao nhiệm vụ đào tạo sau đại học. Căn cứ vào các tiêu chuẩn của một cơ sở đào tạo được Chính phủ quy định, hàng năm Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp hướng dẫn cho các trường đại học và các viện nghiên cứu đủ khả năng đào tạo sau đại học làm thủ tục đăng kí rồi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Năm 1977, Chính phủ phê duyệt 6 cơ sở đào tạo, năm 1978 phê duyệt 16 cơ sở, năm 1979 phê duyệt 12 cơ sở và năm 1980 phê duyệt thêm 6 cơ sở đào tạo sau đại học. Đến năm 1980, cả nước đã xây dựng được 42 cơ sở đào tạo sau đại học (trong đó có 16 cơ sở là các trường đại học và 26 cơ sở thuộc các viện nghiên cứu) với 132 chuyên ngành khoa học. Như vậy, chỉ trong vòng 5 năm xây dựng và phát triển, số lượng cơ sở đào tạo sau đại học đã tăng từ 2 cơ sở lên 42 cơ sở, số chuyên ngành đào tạo tăng từ 14 chuyên ngành lên 132 chuyên ngành [3: 3].

Song song với việc xây dựng cơ sở đào tạo, cũng từ năm 1977 trở đi, các cơ sở đào tạo tích cực tuyển chọn nghiên cứu sinh, tổ chức đào tạo nghiên cứu sinh, tổ chức bảo vệ luận án và công nhận học vị.

Nghiên cứu sinh được tuyển chọn theo các chuyên ngành thành từng khóa hàng năm. Ngay trong năm đầu tiên (1977), các cơ sở đào tạo đã tuyển được gần 100 nghiên cứu sinh. Những năm đầu triển khai thực hiện chế độ đào tạo nghiên cứu sinh trong nước, việc tuyển chọn nghiên cứu sinh được

tiến hành chủ yếu tại các trường đại học. Một số viện nghiên cứu mặc dù được Chính phủ giao nhiệm vụ đào tạo sau đại học nhưng do nguồn dự tuyển quá ít nên không tổ chức thi tuyển được hoặc các khóa thi tuyển không liên tục. Từ năm 1977 đến năm 1980, trong 6 cơ sở thuộc Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, chỉ có Viện Ngôn ngữ tổ chức được một số khóa tuyển sinh, còn các viện khác vẫn chưa tổ chức được việc tuyển chọn nghiên cứu sinh. [3: 4].

Trước kì thi tuyển, tất cả các thí sinh dự thi được sắp xếp cho nghỉ công tác trong 3 tháng để tham gia các lớp bồi dưỡng kiến thức do các cơ sở đào tạo tổ chức theo chương trình được Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp thông qua. Sau đợt bồi dưỡng, thí sinh dự kiểm tra chính thức và trình bày dự kiến nghiên cứu trước hội đồng tuyển chọn nghiên cứu sinh của cơ sở đào tạo. Việc bồi dưỡng kiến thức và thi tuyển được thực hiện theo tinh thần đảm bảo chất lượng, không chạy theo số lượng. Những thí sinh có nhiều thành tích trong nghiên cứu khoa học và trong thực tiễn được hưởng chế độ ưu tiên. Để khuyến khích, thu hút những tài năng khoa học trẻ, Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp đã ra thông tư cho phép và hướng dẫn các cơ sở đào tạo thực hiện chế độ chuyển tiếp nghiên cứu sinh cho những sinh viên có kết quả học tập xếp loại xuất sắc. Với những biện pháp trên đây, đến năm 1980, các cơ sở đào tạo đã tuyển chọn được hơn 500 nghiên cứu sinh, trong đó số thí sinh khóa I đã bước vào năm thứ tư, một số nghiên cứu sinh đã bảo vệ luận án cấp cơ sở và làm thủ tục bảo vệ tại hội đồng cấp nhà nước [10: 8].

Đi đôi với việc tuyển chọn nghiên cứu sinh, công tác đào tạo từng bước được hoàn thiện. Cũng như ở các nước xã hội chủ nghĩa

lúc đó, việc đào tạo nghiên cứu sinh ở Việt Nam được chia làm hai phần: bổ túc kiến thức và nghiên cứu khoa học. Trong phần bổ túc kiến thức, các cơ sở đào tạo trực tiếp tổ chức bồi dưỡng và kiểm tra kiến thức chuyên môn theo những chương trình chuyên sâu kết hợp với những chương trình nâng cao về kiến thức khoa học cơ bản. Cụ thể là, Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp đã ủy nhiệm cho một số cơ sở đào tạo sau đại học mở các lớp kiến thức về chủ nghĩa Mác - Lênin cho nghiên cứu sinh. Trường Đại học Bách khoa Hà Nội mở cho khối các ngành kĩ thuật, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội mở cho khối các ngành khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, Trường Đại học Kinh tế Kế hoạch mở cho khối các ngành kinh tế. Ngoài ra, để bổ túc kiến thức về chủ nghĩa Mác - Lênin cho các cán bộ được hưởng chế độ đặc biệt trong bảo vệ luận án phó tiến sĩ, Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp đã giao cho các trường Đại học Nông nghiệp I, Đại học Sư phạm Hà Nội I, Đại học Y khoa Hà Nội mở các lớp ngắn hạn, phù hợp với điều kiện công tác của các cán bộ này. Hầu hết nghiên cứu sinh đã tham gia học tập nghiêm túc, 95 - 98% nghiên cứu sinh có kết quả kiểm tra đạt yêu cầu. Sau từng khóa học, Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp tổ chức rút kinh nghiệm chung cho các lớp nhằm cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy đối với từng khối nghiên cứu sinh. [3: 9].

Đối với phần kiến thức nghiên cứu khoa học, việc chọn đề tài của nghiên cứu sinh được xác định sơ bộ khi xem xét đề cương của nghiên cứu sinh. Tuy nhiên, phần lớn nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài một cách tự phát nên trong quá trình học tập, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo, một số đề tài đã được xác định lại nhằm hướng vào giải quyết

những vấn đề sản xuất và đời sống do thực tiễn đất nước đặt ra. Xuất phát từ thực tế phần lớn cán bộ khoa học nước ta chỉ mới có trình độ phó tiến sĩ nhưng phải đảm nhận vai trò hướng dẫn nghiên cứu sinh, để đảm bảo chất lượng trong đào tạo sau đại học, Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp đã đặt ra những nguyên tắc để thành lập tập thể hướng dẫn và quy định khối lượng hướng dẫn cho từng loại cán bộ. Các giáo sư, tiến sĩ có thể hướng dẫn chính 3 nghiên cứu sinh, các phó giáo sư có thể hướng dẫn chính 2 nghiên cứu sinh, các phó tiến sĩ trên 3 năm công tác có thể hướng dẫn chính 1 nghiên cứu sinh. Để động viên được lực lượng cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ cao tham gia công tác đào tạo sau đại học, một số cơ sở đào tạo đã mời những cán bộ thuộc cơ quan khác tham gia hướng dẫn nghiên cứu sinh. Ở một vài cơ sở, khi cán bộ hướng dẫn chuyển công tác đi xa hoặc đi công tác dài hạn, một số nghiên cứu sinh được phép thay đổi đề tài nghiên cứu hoặc chuyển sang cơ sở đào tạo khác. Trong trường hợp đó, cơ sở đào tạo thường cố gắng hết sức nhằm hạn chế ảnh hưởng đến kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

Tiếp theo công tác đào tạo là công tác tổ chức bảo vệ luận án và công nhận học vị cho nghiên cứu sinh. Trong thời gian này, đã có một số nghiên cứu sinh hệ chính quy hoàn thành luận án, Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp và các cơ sở đào tạo đã tích cực làm các thủ tục cần thiết (như gửi phản biện độc lập, xin ý kiến nhận xét của các cán bộ khoa học và các bộ ngành có liên quan đến đề tài luận án, thành lập hội đồng chấm luận án) để có thể nhanh chóng cho nghiên cứu sinh được bảo vệ tại hội đồng cấp nhà nước.

Song song với việc đào tạo nghiên cứu sinh theo hệ chính quy, Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp đã tổ chức việc bảo vệ luận án theo chế độ đặc biệt cho những cán bộ khoa học kỹ thuật trong quá trình công tác đã có nhiều công trình nghiên cứu có giá trị nhưng chưa có học vị. Những cán bộ có quá trình công tác trên 10 năm, có phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng tốt, có nhiều công trình khoa học, trên cơ sở đó có thể hoàn thành một luận án khoa học được hưởng chế độ đặc biệt. Những cán bộ này được miễn thi tuyển, miễn học tập bổ túc kiến thức và được dành một thời gian từ 6 tháng đến 1 năm để hoàn thành luận án khoa học. Trong thời gian này, chủ trương tổ chức bảo vệ luận án theo chế độ đặc biệt là một chủ trương đúng đắn, được Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp tập trung chỉ đạo, các ngành và các cơ sở đào tạo tích cực tham gia, các cán bộ khoa học kỹ thuật trong các cơ sở giảng dạy, nghiên cứu khoa học hưởng ứng mạnh mẽ.

Qua 4 năm triển khai đào tạo sau đại học trong nước theo chế độ nghiên cứu sinh, ngày 14 tháng 3 năm 1980, Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp đã tổ chức cuộc họp sơ kết việc thực hiện quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc đào tạo sau đại học ở trong nước. Phó Thủ tướng Võ Nguyên Giáp cùng nhiều cán bộ của Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp, Ủy ban Khoa học Kỹ thuật Nhà nước, Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam đã về dự. Các đại biểu tham dự buổi tổng kết đều nhất trí nhận định chủ trương đào tạo sau đại học ở trong nước là một chủ trương đúng đắn và được sự hưởng ứng tích cực của các bộ, ngành, các trường đại học, các viện nghiên cứu khoa học và

đồng đảo cán bộ khoa học - kĩ thuật của cả nước. Việc mở bậc đào tạo sau đại học ở trong nước đã khuyến khích và thúc đẩy đồng đảo cán bộ có trình độ đại học tự bồi dưỡng nâng cao trình độ và chất lượng công tác qua học tập, nghiên cứu. Cũng qua việc đào tạo sau đại học, Nhà nước có thêm điều kiện để phát hiện những cán bộ trẻ có năng lực đồng thời phát huy tiềm lực của đội ngũ cán bộ khoa học kĩ thuật và cơ sở vật chất vừa góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ cao vừa góp phần giải quyết các vấn đề khoa học - kĩ thuật của đất nước. Cũng trong buổi sơ kết này, 51 cán bộ khoa học đã bảo vệ thành công luận án phó tiến sĩ trong nước đã vinh dự được nhà nước trao bằng tốt nghiệp. Đây là buổi lễ trao bằng đầu tiên đánh dấu bước phát triển quan trọng của giáo dục Việt Nam trong lĩnh vực đào tạo cán bộ có trình độ cao ở trong nước. [10].

Sau 5 năm triển khai Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về đào tạo sau đại học ở trong nước, Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp đã tổ chức bảo vệ, công nhận học vị và cấp bằng phó tiến sĩ cho 70 nghiên cứu sinh bảo vệ luận án theo chế độ đặc biệt (trong đó khoa học tự nhiên có 36 nghiên cứu sinh, khoa học kĩ thuật có 15 nghiên cứu sinh, khoa học nông nghiệp 6 nghiên cứu sinh và khoa học xã hội, kinh tế 13 nghiên cứu sinh) [10]. Mặc dù số lượng còn khiêm tốn nhưng đây là sự nỗ lực to lớn của Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp, của các cơ sở đào tạo sau đại học, là thành quả lao động khoa học của các cán bộ giảng dạy, cán bộ nghiên cứu ở các trường đại học, viện nghiên cứu và các cơ quan khác. Thành tựu bước đầu này khẳng định, công tác đào tạo sau đại học trong nước đã thu được những kết quả hết sức quan trọng. Hệ thống đào

tạo sau đại học trong nước cơ bản đã hình thành và vận hành khá tốt. Công tác tổ chức, quản lí và chỉ đạo bước đầu được xây dựng và đi vào nề nếp. Việc tổ chức quá trình đào tạo và bảo vệ luận án tại các cơ sở đào tạo thu được những thành tựu bước đầu và đã đúc rút được những bài học kinh nghiệm bổ ích.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích đạt được, công tác đào tạo sau đại học trong nước vẫn là một công tác hết sức mới mẻ, chúng ta chưa có nhiều kinh nghiệm nên gặp một số khó khăn và thiếu sót trong tổ chức thực hiện. Cụ thể là, công tác tổ chức, quản lí và chỉ đạo chưa được thể chế hóa, các văn bản pháp lí về đào tạo mới chỉ được thông qua một bản qui định tạm thời với những hướng dẫn khái quát, giá trị pháp lí chưa cao, một số điều khoản ban hành về chế độ đào tạo không thích hợp với thực tế như chế độ đối với cán bộ hướng dẫn khoa học, cán bộ giảng dạy và các phụ cấp cho nghiên cứu sinh trong khi thực hiện luận án. Thêm vào đó, việc hướng dẫn nghiệp vụ chưa chu đáo nên nhiều cơ sở đào tạo không biết vận dụng các qui định đã có để tạo điều kiện cần thiết cho quá trình đào tạo của cơ sở. Đội ngũ cán bộ quản lí còn mỏng và thiếu kinh nghiệm. Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp chưa xây dựng được đội ngũ cán bộ chuyên trách cho công tác đào tạo sau đại học, bộ phận được giao đảm nhiệm việc này mới chỉ có 2 - 3 người. Mạng lưới quản lí công tác đào tạo sau đại học tại các bộ, ngành và các cơ sở đào tạo chưa có đủ cán bộ chuyên trách, chưa nắm chắc nghiệp vụ để giúp các ngành, các cấp chỉ đạo và quản lí tốt công tác đào tạo. Ở hầu hết các cơ sở đào tạo những người quản lí đều là những cán bộ kiêm nhiệm nên gặp nhiều

hạn chế về thời gian và điều kiện công tác, chưa có nhiều kinh nghiệm về nghiệp vụ làm cho công tác đào tạo sau đại học gặp nhiều khó khăn và lúng túng. Việc xây dựng cơ sở đào tạo, tuyển chọn nghiên cứu sinh, đào tạo nghiên cứu sinh và tổ chức bảo vệ luận án cũng còn nhiều lúng túng. Một số cơ sở chưa đủ cán bộ hướng dẫn nghiên cứu sinh hoặc xác định chuyên ngành đào tạo chưa phù hợp với khả năng thực tế gây nhiều khó khăn trong việc học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh. Một số cơ sở đăng ký nhận nhiệm vụ đào tạo nghiên cứu sinh nhưng việc xét duyệt còn chậm. Các cơ sở cùng đào tạo một ngành chưa có sự phối hợp trong việc xác định chương trình, nội dung bổ túc kiến thức chuyên môn cũng như việc giảng dạy. Việc tổ chức bảo vệ luận án ở một vài cơ sở chưa được chặt chẽ, chất lượng một số luận án còn thấp. Các cơ sở đào tạo sau đại học toàn bộ tập trung trong các trường đại học và các viện nghiên cứu ở Hà Nội. Vì vậy, cán bộ ở các tỉnh phía nam và các địa phương khác rất khó khăn để làm nghiên cứu sinh, đặc biệt là khi yêu cầu công tác đặt ra cấp thiết, nhiều cơ quan không thể tạo điều kiện cho cán bộ của mình nghỉ công tác để làm nghiên cứu sinh.

Có thể nói, với một lĩnh vực đào tạo trình độ cao lại khởi đầu trong điều kiện cơ sở vật chất – kĩ thuật và đội ngũ cán bộ khoa học còn thiếu thốn thì những hạn chế trên đây là một tất yếu. Tuy nhiên, với những kết quả đã đạt được sau 5 năm đầu triển khai đào tạo sau đại học trong nước, những hạn chế và yếu kém đó hoàn toàn có thể khắc phục được để phát triển mạnh mẽ hơn nữa lĩnh vực đào tạo hết sức quan trọng này trong thời kì tiếp theo.

### **3. củng cố tổ chức, từng bước hoàn thiện chương trình và nội dung đào tạo sau đại học (1981 - 1986)**

#### *3.1. Phương hướng, nhiệm vụ của đào tạo sau đại học giai đoạn 1981 - 1986*

Bước vào thập niên 1980, công tác đào tạo sau đại học trong nước tiếp tục phát triển theo quan điểm chỉ đạo của Bộ Chính trị Trung ương Đảng qua các nghị quyết quan trọng gồm: Nghị quyết 14/NQ/TW, ngày 11/1/1979 về cải cách giáo dục, Nghị quyết 37/NQ/TW, ngày 20/4/1981 về chính sách khoa học và kĩ thuật và Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V (1982). Quán triệt các quan điểm chỉ đạo của Đảng nhằm thúc đẩy công tác đào tạo sau đại học trong nước phát triển mạnh hơn trong giai đoạn mới, tháng 9 năm 1982 Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp đã tổ chức Hội nghị tổng kết công tác đào tạo sau đại học trong nước khẳng định những thành tích đạt được và chỉ ra những khuyết điểm, nhược điểm trong công tác đào tạo sau đại học thời kì 1976 - 1982 đồng thời đề ra những phương hướng, nhiệm vụ cụ thể cho kì 1982 - 1986 như sau:

*Một là*, quy hoạch lại toàn bộ công tác đào tạo sau đại học trong và ngoài nước nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học có trình độ cao, phù hợp với các mục tiêu của chính sách khoa học kĩ thuật của Nhà nước. Sớm ban hành những chế độ, chính sách cụ thể nhằm khuyến khích nghiên cứu sinh học tập, nghiên cứu, thu hút đông đảo đội ngũ cán bộ khoa học có trình độ cao ở các cơ quan nhà nước tham gia công tác đào tạo sau đại học trong nước. Khuyến khích các cán bộ khoa học có công trình nghiên cứu, có năng lực khoa học học tập bổ túc kiến thức và làm luận án bảo vệ theo chế độ đặc biệt.

*Hai là*, củng cố các cơ sở đào tạo hiện có, tiếp tục phát triển một số cơ sở đào tạo mới, mở thêm một số ngành đào tạo ở các cơ sở đã có. Tập trung điều kiện để xây dựng và củng cố một số cơ sở và một số ngành có liên quan trực tiếp đến các nhiệm vụ trọng điểm và cấp bách để phát triển kinh tế, khoa học kĩ thuật, văn hóa. Thống nhất kế hoạch đào tạo sau đại học ở trong nước và nước ngoài trong các khâu lập kế hoạch đào tạo theo các chuyên ngành, tổ chức tuyển chọn nghiên cứu sinh, kết hợp việc đào tạo ở trong nước với việc đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài. Xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn thống nhất giữa nghiên cứu sinh trong nước và ngoài nước trong một kì thi chung nhằm bảo đảm nguồn thí sinh, chủ động cân đối được số lượng và ngành đào tạo, đảm bảo tuyển chọn nghiên cứu sinh đạt chất lượng cao nhất.

*Ba là*, tiếp tục đẩy mạnh hoàn thiện công tác tổ chức quản lí đào tạo sau đại học trong nước bằng cách ban hành các quy định về chế độ đào tạo sau đại học. Ở các trường đại học, tùy theo khối lượng đào tạo và bồi dưỡng cán bộ có thể thành lập các khoa bồi dưỡng và đào tạo sau đại học, ở các viện nghiên cứu cũng cần có tổ chức và cán bộ chuyên trách công tác này. Cần nhanh chóng xây dựng hội đồng học vị và mạng lưới các tiểu ban chuyên môn để giúp hội đồng đánh giá các luận án khoa học trước khi quyết định công nhận học vị cho nghiên cứu sinh.

*Bốn là*, tăng cường công tác tổ chức, quản lí ở cấp trung ương và ở các cơ sở đào tạo. Cụ thể là tăng cường bộ máy quản lí, chỉ đạo công tác đào tạo sau đại học ở Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp, ở các bộ, ngành cũng như ở các trường đại học, các

viện nghiên cứu được nhà nước giao nhiệm vụ đào tạo sau đại học. [24]

### *3.2. Xây dựng các văn bản pháp lí về đào tạo sau đại học*

Thực hiện các phương hướng và nhiệm vụ đào tạo sau đại học được đề ra trong hội nghị Tổng kết công tác đào tạo sau đại học ở trong nước, Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp tập trung xây dựng các văn bản pháp lí mới thay cho các văn bản quản lí tạm thời. Ngày 1 tháng 8 năm 1983, Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp đã ban hành văn bản về chế độ nghiên cứu sinh và đến tháng 9 năm 1983, ban hành văn bản về việc bảo vệ luận án phó tiến sĩ khoa học, tiến sĩ khoa học và công nhận học vị. Kèm theo hai quy định này là các văn bản hướng dẫn về yêu cầu và thủ tục thi tuyển nghiên cứu sinh; hướng dẫn về thủ tục kiểm tra, bổ túc kiến thức cho những người bảo vệ luận án phó tiến sĩ khoa học; hướng dẫn về luận án và các thủ tục đánh giá luận án phó tiến sĩ khoa học, tiến sĩ khoa học ở trong nước; hướng dẫn về chế độ báo cáo tình hình đào tạo nghiên cứu sinh và tình hình học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

Nội dung của các văn bản mới trên đây là một bước thể chế hóa công tác đào tạo sau đại học trong nước, thay thế cho thông tư tạm thời, khắc phục những bất cập trong công tác tổ chức, quản lí và chỉ đạo của bộ đồng thời cụ thể hóa nhiều điểm trong quá trình tuyển sinh, kiểm tra kiến thức, bảo vệ luận án. Các văn bản mới này đã hướng dẫn nghiệp vụ cho các cơ sở đào tạo và nghiên cứu sinh một cách chu đáo từ điều kiện dự thi, thủ tục hồ sơ chọn nghiên cứu sinh, tên các môn thi và chương trình thi cho từng chuyên ngành, chế độ chính sách cho nghiên

cứu sinh, chế độ báo cáo kế hoạch đào tạo nghiên cứu sinh đến nội dung luận án, thủ tục bảo vệ và hình thức luận án.

Qui định mới khuyến khích các bộ, ngành quan tâm chỉ đạo công tác sau đại học và bồi dưỡng sau đại học trong ngành mình, tạo điều kiện để các cơ sở đào tạo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao đồng thời tăng cường thêm sự phối hợp giữa Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp, Ủy ban Khoa học Kỹ thuật Nhà nước, Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam và Hội đồng đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) trong việc quyết định về đường lối, chủ trương lớn về đào tạo sau đại học cũng như trong việc chỉ đạo các cơ sở đào tạo và cơ quan quản lý đào tạo thực hiện các chủ trương, đường lối đó. Qui định mới về công tác đào tạo sau đại học đã tạo điều kiện thuận lợi trong việc tập hợp và sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ cao của các bộ, ngành vào công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ khoa học kỹ thuật.

Trong công tác tuyển chọn nghiên cứu sinh, qui định mới hướng đến việc khuyến khích phát triển tài năng trẻ đồng thời chú ý thích đáng đến điều kiện đào tạo ở trong nước (tuổi của nghiên cứu sinh quy định dưới 40 và thâm niên công tác xuống 3 năm - kể cả thời gian tập sự). Những sinh viên mới tốt nghiệp đại học loại xuất sắc, được hội đồng khoa học của trường xác nhận và bộ chủ quản của cơ quan công tác giới thiệu hoặc đề cử dự thi nghiên cứu sinh thì không bắt buộc phải qua ba năm công tác; những học viên đã tham dự lớp bồi dưỡng sau đại học dành cho cán bộ nghiên cứu khoa học và giảng dạy đại học với thời gian học liên tục

từ 12 tháng trở lên theo chương trình bồi dưỡng được Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp thông qua và đạt thành tích học tập loại xuất sắc, được cơ sở tổ chức lớp bồi dưỡng giới thiệu vào một cơ sở đào tạo sau đại học cũng được miễn thi tuyển. Cán bộ khoa học hiện đang tham gia thực hiện các đề tài thuộc các chương trình trọng điểm của nhà nước và của các bộ, ngành, làm nghiên cứu sinh không phải thi tuyển với điều kiện đã nghiên cứu đề tài đạt kết quả tốt trong thời hạn một năm trở lên và được chủ nhiệm chương trình nghiên cứu khoa học cấp nhà nước hoặc cấp bộ giới thiệu và một cơ sở đào tạo nhận làm nghiên cứu sinh.

Trong công tác đào tạo nghiên cứu sinh, qui định đã xác định rõ trách nhiệm và quyền hạn, mối quan hệ giữa bộ môn, đơn vị nghiên cứu với tập thể hướng dẫn nghiên cứu sinh. Theo đó, cơ sở đào tạo có nhiệm vụ bồi dưỡng kiến thức cho những người dự tuyển nghiên cứu sinh, tổ chức kiểm tra kiến thức và tuyển chọn theo chỉ tiêu quy định. Quá trình đào tạo được xác định cụ thể bao gồm việc tổ chức học tập và kiểm tra bổ túc kiến thức, tạo điều kiện cho nghiên cứu sinh tham gia nghiên cứu khoa học, chuẩn bị cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án đồng thời quản lý nghiên cứu sinh trong thời gian học tập. Về nội dung đề tài nghiên cứu của nghiên cứu sinh, qui định nêu rõ là các đề tài luận án "*phải hướng vào giải quyết các vấn đề thiết thực trước mắt và lâu dài do thực tiễn đất nước đặt ra*" [5] và khuyến khích việc thực hiện những đề tài hướng vào các chương trình trọng điểm của nhà nước, của bộ hoặc của cơ quan cử cán bộ đi học; "*đề tài nghiên cứu của nghiên cứu sinh phải được chính thức đăng ký trong kế hoạch nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo hoặc cơ quan*

*cử nghiên cứu sinh đi học*" [5]. Yêu cầu này vừa nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn của đất nước vừa tạo điều kiện về vật chất cho nghiên cứu sinh thực hiện tốt đề tài nghiên cứu của mình trong thời gian quy định.

Để kết hợp đào tạo trong nước với ngoài nước, ngoài việc kết hợp trong quy hoạch đào tạo, trong chính sách và biện pháp tuyển chọn, trong quá trình đào tạo, nghiên cứu sinh có thể được cơ sở đào tạo và các ngành liên quan tạo điều kiện đi thực tập ở nước ngoài trong thời gian ngắn. Trong quy định trước đây, ngoài việc đào tạo nghiên cứu sinh theo hệ chính quy còn có hình thức bảo vệ luận án theo chế độ đặc biệt. Chữ "đặc biệt" ấy gây ấn tượng không rõ về chế độ bảo vệ này cho bản thân tác giả luận án và các thành viên trong hội đồng bảo vệ, do vậy, trong quy định mới, Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp đã quyết định sửa đổi tên gọi của chế độ bảo vệ luận án cho những cán bộ trong quá trình nghiên cứu công tác đã học tập, nghiên cứu khoa học đạt trình độ cao hơn bậc đại học về kiến thức và thành tích nghiên cứu khoa học có thể hoàn thành luận án khoa học để được công nhận học vị trong một thời gian ngắn là nghiên cứu sinh theo chế độ ngắn hạn. Yêu cầu về thâm niên công tác đối với những thí sinh này là 5 năm, đã làm tốt công tác trong lĩnh vực chuyên môn, đã học xong chương trình bổ túc kiến thức nghiên cứu sinh và đã có một số kết quả nghiên cứu có giá trị trong việc phục vụ sản xuất, đời sống và quốc phòng được xác nhận hoặc được công bố ở trong và ngoài nước, đó là những công trình cần thiết làm cơ sở cho việc hoàn thành luận án khoa học. Những người làm nghiên cứu sinh theo chế độ này được miễn thi tuyển, được nghỉ công tác tối đa 12 tháng và được

cơ sở đào tạo nghiên cứu sinh cử cán bộ hướng dẫn hoàn thành luận án và tổ chức bảo vệ.

Quy định về chế độ nghiên cứu sinh còn đề cập đến chế độ chính sách của người đi học, của cán bộ hướng dẫn và hội đồng chấm luận án. Những nghiên cứu sinh hệ tập trung được giữ nguyên mức lương chính và các khoản phụ cấp hiện hành suốt thời gian học tập. Những sinh viên tốt nghiệp đại học được chuyển tiếp làm nghiên cứu sinh được hưởng mức sinh hoạt phí bằng mức lương khởi điểm của cán bộ tốt nghiệp đại học và các khoản phụ cấp khác. Những nghiên cứu sinh theo chế độ ngắn hạn do cơ quan quản lý cán bộ thanh toán....

Để đảm bảo chất lượng đánh giá luận án và công nhận học vị khoa học, Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp đã quyết định thành lập Hội đồng học vị tư vấn cho Bộ trưởng trong việc xem xét chất lượng luận án, đề nghị danh sách các thành viên trong hội đồng chấm luận án, thẩm tra các kết quả bảo vệ trong từng ngành hoặc nhóm ngành. Thành viên của hội đồng là những cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ chuyên môn cao, có học vị hoặc chức vụ khoa học, đang công tác tại các trường đại học, các viện nghiên cứu, các cơ quan quản lý, các cơ sở sản xuất và quốc phòng.

Việc ban hành các văn bản qui định trong đào tạo sau đại học ở trong nước là một bước tiến quan trọng tạo ra cơ sở pháp lý để đẩy nhanh hơn nữa việc đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật của đất nước. Căn cứ vào những quy định đã được ban hành, các cơ sở đào tạo đã tổ chức thực hiện, từng bước đưa công tác đào tạo sau đại học nước ta vào nề nếp, đảm bảo nghiêm túc,

chặt chẽ và phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng.

### *3.3. Xây dựng và phát triển các cơ sở đào tạo sau đại học*

Song song với việc xây dựng các văn bản pháp lí về đào tạo sau đại học là việc xây dựng và phát triển các cơ sở đào tạo. Từ năm 1981 trở đi, các cơ sở hiện có được củng cố và mở thêm cơ sở đào tạo mới. Trong khi củng cố các cơ sở đào tạo, việc xây dựng đội ngũ cán bộ giảng dạy và hướng dẫn luận án, củng cố bộ môn được chú trọng. Để tổ chức và quản lí công tác đào tạo sau đại học ở cơ sở được thuận lợi và được sự đồng ý của Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp, từ năm 1981, một số cơ sở đào tạo thuộc các trường đại học đã thành lập Khoa đào tạo sau đại học. Trường Đại học Kinh tế Kế hoạch, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I, Trường Đại học Y Hà Nội là những cơ sở sớm thành lập Khoa đào tạo sau đại học. Khoa đào tạo sau đại học đảm nhận các công việc nghiên cứu kế hoạch, tổ chức kiểm tra thực hiện quy trình đào tạo, quản lí lớp học và nghiên cứu sinh, tham gia chuẩn bị nguồn tuyển chọn, tổ chức hướng dẫn việc ôn tập, tổ chức thi tuyển và xét chọn nghiên cứu sinh, bổ túc kiến thức cơ bản về ngoại ngữ và chủ nghĩa Mác - Lênin, tổ chức quá trình nghiên cứu khoa học và viết luận án của nghiên cứu sinh... Ở các viện nghiên cứu, do không đủ điều kiện để thành lập khoa đào tạo sau đại học nhưng cũng chú trọng đến việc củng cố các phòng ban chức năng, một số viện nghiên cứu thành lập phòng đào tạo hoặc bố trí cán bộ chuyên trách nhằm xây dựng một đầu mối chung trong việc quản lí nhiệm vụ đào tạo của cơ sở. Bên cạnh việc củng cố các cơ sở đào tạo hiện có, việc mở

thêm các cơ sở mới được chú trọng. Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp đã hướng dẫn cụ thể về việc đăng ký nhận nhiệm vụ đào tạo nghiên cứu sinh. Theo đó, các đơn vị có đủ số lượng cán bộ giảng dạy, nghiên cứu, cán bộ phục vụ giảng dạy nghiên cứu khoa học, cơ sở vật chất kĩ thuật của đơn vị, cán bộ hướng dẫn, điều kiện giảng dạy bổ túc kiến thức và điều kiện vật chất kĩ thuật phục vụ đào tạo nghiên cứu sinh tiếp tục đăng ký nhận nhiệm vụ đào tạo nghiên cứu sinh. Để tận dụng nguồn cán bộ khoa học kĩ thuật và tạo điều kiện liên kết giữa các đơn vị trong đào tạo nghiên cứu sinh, Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp cho phép các đơn vị đăng kí cả những ngành học mà cơ sở chưa đủ điều kiện để đảm nhận trực tiếp việc bồi dưỡng kiến thức cho nghiên cứu sinh nhưng có thể phối hợp với cơ sở đào tạo khác... Với những nỗ lực của Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp, năm 1982 có 4 cơ sở đào tạo được mở thêm và đến năm 1986, mở thêm 5 cơ sở đào tạo, nâng tổng số cơ sở đào tạo sau đại học trong nước lên 51 cơ sở. [10: 8].

Trong giai đoạn 1976 - 1980, 42 cơ sở đào tạo sau đại học đều thuộc khu vực phía Bắc, tập trung ở Hà Nội. Để đảm bảo cho công tác đào tạo được mở rộng trong cả nước, một số trường đại học ở phía Nam được giao nhiệm vụ đào tạo nghiên cứu sinh. Năm 1985 Trường Đại học Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh và Trường Đại học Bách Khoa thành phố Hồ Chí Minh đã được giao nhiệm vụ đào tạo sau đại học. Được giao nhiệm vụ đào tạo sau đại học là một vinh dự lớn đối với cơ sở đào tạo, vì thế nhiều cơ sở đã cố gắng xây dựng tiềm lực để có thể đảm nhận được nhiệm vụ trong thời gian sớm nhất.

Vừa tích cực củng cố, xây dựng và phát triển cơ sở vật chất, phát triển đội ngũ cán bộ, các cơ sở đào tạo căn cứ vào danh mục ngành chuyên môn cán bộ khoa học có trình độ trên đại học do Tổng cục Thống kê ban hành năm 1981, tiếp tục đăng ký các chuyên ngành đào tạo mới. Tính đến năm 1986 ta đã đào tạo sau đại học (phó tiến sĩ và tiến sĩ) trong sáu lĩnh vực khoa học bao gồm: khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, khoa học kỹ thuật, khoa học nông nghiệp, khoa học y dược và khoa học quân sự với hơn 200 chuyên ngành trong số 579 chuyên ngành trong danh mục ngành chuyên môn cán bộ khoa học có trình độ trên đại học do Tổng cục Thống kê ban hành năm 1981. Như vậy, chỉ trong vòng 10 năm xây dựng, số chuyên ngành đào tạo sau đại học của ta khoảng gần 1/2 số chuyên ngành đào tạo của các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế lúc bấy giờ. [10].

#### *3.4. Tổ chức đào tạo sau đại học và những kết quả của giai đoạn 1981 - 1986*

Đi đôi với việc xây dựng và phát triển các cơ sở đào tạo là công tác tuyển sinh vào đào tạo nghiên cứu sinh. Bước vào thập niên 1980, tình hình đất nước ta vẫn còn rất nhiều khó khăn do khủng hoảng kinh tế. Vì thế những người làm nghiên cứu sinh trong nước giai đoạn này rất gian khổ: khó khăn về đời sống, thiếu cơ sở vật chất để thực nghiệm, kinh phí eo hẹp. Hầu hết nghiên cứu sinh đang là cán bộ tại chức nên vừa đi học nhưng vẫn phải đảm nhận các công việc tại cơ quan vì thế công việc học tập và nghiên cứu càng thêm vất vả. Trên thực tế, làm nghiên cứu sinh trong nước phải chịu nhiều khó khăn hơn nghiên cứu ở nước ngoài trên nhiều mặt. Mặc dù vậy, nhờ có những sửa đổi bổ sung kịp thời về quy chế đào tạo đồng thời

nhờ có sự phối hợp của các bộ, ngành, các cơ sở nghiên cứu, ứng dụng triển khai... nên công tác tuyển sinh sau đại học trong thời gian này đã có những tiến bộ đáng kể.

Đặc biệt là từ năm 1982 trở đi, khi Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp có chủ trương đẩy mạnh việc xây dựng đội ngũ cán bộ giảng dạy và nghiên cứu trong các cơ sở đào tạo, một số lượng lớn cán bộ giảng dạy của các trường đại học đã được bồi dưỡng để làm nghiên cứu sinh đồng thời với chính sách dành một số chỉ tiêu thực tập sinh nước ngoài cho những nghiên cứu sinh có thành tích cao trong học tập, nghiên cứu, có đề tài luận án thiết thực với yêu cầu thực tiễn của đất nước, vì thế số lượng nghiên cứu sinh dự tuyển tăng lên rõ rệt.

Chủ trương chọn một số sinh viên xuất sắc trong các trường đại học được chuyển tiếp làm nghiên cứu sinh trong nước cũng khuyến khích được nhiều sinh viên tích cực học tập và nghiên cứu khoa học và đạt kết quả cao trong các kì thi tuyển.

Với những cố gắng trên đây, từ 1981 đến 1986, ta đã tuyển được 1300 nghiên cứu sinh, tăng gần gấp 3 lần giai đoạn 1976 – 1980 [10]. Số lượng nghiên cứu sinh dự tuyển tăng lên, nhiều cơ sở không những tuyển đủ chỉ tiêu mà tỉ lệ dự tuyển trên chỉ tiêu tuyển sinh cũng tăng lên. Nếu như trước năm 1980, số lượng nghiên cứu sinh dự tuyển tương đối thấp, hầu hết các cơ sở đào tạo thường không tuyển đủ chỉ tiêu, ở nhiều cơ sở tỉ lệ chọn gần như bằng không, một số cơ sở có tỉ lệ chọn cao cũng chỉ đạt 1,3 đến 1,5/1 thì từ năm 1981 trở đi tỉ lệ chọn nghiên cứu sinh bình quân của các cơ sở đào tạo đạt 3/1 (năm 1978 bình quân tỉ lệ nghiên cứu sinh được tuyển là 2/1, năm 1979 tỉ lệ này

khoảng 1,5/1, năm 1980 tỉ lệ này chỉ còn 1,3 - 1,2/1, thậm chí 1/1 hoặc một số chuyên ngành không có người dự tuyển). Như vậy, chủ trương mới không chỉ khuyến khích số lượng nghiên cứu sinh thi tuyển tăng mà còn khuyến khích nghiên cứu sinh tích cực học tập, bảo đảm tiến độ đồng thời chất lượng tuyển chọn cũng được nâng cao. [3: 9].

Với những sửa đổi bổ sung về chính sách và ban hành những quy định mới về đào tạo sau đại học, việc tổ chức đào tạo nghiên cứu sinh được thực hiện theo những quy trình cụ thể hơn. Trong giai đoạn này, đào tạo sau đại học vẫn thực hiện theo quy trình hai giai đoạn: bổ túc kiến thức cơ sở và chuyên ngành để phục vụ cho luận án. Nghiên cứu sinh được học tập, bổ túc kiến thức về ngoại ngữ, lí luận chủ nghĩa Mác - Lênin và một số môn chuyên ngành. Đối với các môn bổ túc kiến thức cơ sở, rút kinh nghiệm từ những khóa học được tổ chức qua những năm trước, các cơ sở đào tạo đã chú trọng việc quản lí lớp học, tổ chức các hội đồng thi cuối khóa chặt chẽ và khách quan nhằm bảo đảm chất lượng. Một số cơ sở đào tạo như Trường Đại học Kinh tế Kế hoạch, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã biên soạn được tài liệu ngoại ngữ sát hợp với tình hình thực tế, tạo điều kiện để nghiên cứu sinh có thể tự học. Đối với các môn chuyên ngành, hầu hết các cơ sở đào tạo đều cố gắng tổ chức đầy đủ các môn học theo quy định. Tuy nhiên, có một số cơ sở linh hoạt đề ra số lượng các môn bổ túc theo chiều hướng giảm nhẹ khối lượng học tập của nghiên cứu sinh. Một số môn học được rút ngắn thời lượng và tổ chức thi tối thiểu nhẹ nhàng tạo điều kiện cho nghiên cứu sinh tập trung vào luận án. Với những biện pháp linh hoạt này, việc tổ chức các lớp học

tại các cơ sở đào tạo được tiến hành thường xuyên, nhanh, gọn hơn. Nhiều cơ sở hoàn thành việc đào tạo bổ túc kiến thức và chuyên ngành chỉ trong một thời gian ngắn.

Cùng với việc tổ chức lớp học bổ túc kiến thức, công tác hướng dẫn luận án và tổ chức bảo vệ luận án được chú trọng. Với những nghiên cứu sinh mới thi tuyển, cán bộ hướng dẫn khẩn trương giúp đỡ xác định hướng nghiên cứu và đề tài luận án. Phần lớn các đề tài luận án đều xuất phát từ các chương trình nghiên cứu của nhà nước và các bộ, ngành. Cũng có một số đề tài xuất phát từ hướng nghiên cứu trước đây của cán bộ hướng dẫn nên chưa bám sát yêu cầu thực tiễn của đất nước. Trên cơ sở những hướng dẫn của Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp về luận án và thủ tục đánh giá luận án tiến sĩ, phó tiến sĩ, việc hướng dẫn nghiên cứu sinh làm luận án được đẩy mạnh theo hướng hoàn thành đúng tiến độ. Các cơ sở đào tạo cũng đẩy mạnh việc tổ chức bảo vệ luận án theo chế độ ngắn hạn và công nhận học vị cho những cán bộ đã công tác lâu năm trong ngành.

Nhờ những biện pháp vừa cụ thể, vừa linh hoạt trên đây, số luận án phó tiến sĩ và tiến sĩ hoàn chỉnh được đưa ra bảo vệ đã tăng lên nhanh chóng. Năm 1980 chỉ có 19 luận án được đưa ra bảo vệ thì đến năm 1984 đã có 96 luận án được bảo vệ trước hội đồng cấp nhà nước. Tổng cộng từ năm 1980 đến 1986 đã có 410 nghiên cứu sinh hoàn thành luận án và được bảo vệ tại hội đồng cấp nhà nước. Hầu hết các luận án được đưa ra bảo vệ cấp nhà nước đều đạt kết quả tốt. Trong số hơn 400 luận án, chỉ có 5 luận án không được công nhận, chiếm tỉ lệ chưa đến 2% tổng số luận án. Cũng có một số luận án đã bảo vệ nhưng phải có thời gian để thẩm tra kết quả nghiên cứu nên việc cấp bằng bị

kéo dài. Song nhìn chung tiến độ bảo vệ luận án và công nhận học vị đã có rất nhiều tiến bộ so với giai đoạn trước. [10: 8].

Với những kinh nghiệm trong việc hướng dẫn làm luận án và tổ chức bảo vệ luận án trình độ phó tiến sĩ, năm 1982, lần đầu tiên Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội đã tổ chức thành công buổi bảo vệ luận án tiến sĩ. Năm 1983, tại Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội thêm một nghiên cứu sinh cũng đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ. Đây là những tiến sĩ khoa học đầu tiên được đào tạo và bảo vệ luận án trong nước. Thành công của việc bảo vệ luận án tiến sĩ ở trong nước đã khẳng định khả năng đào tạo cán bộ trình độ cao đồng thời khích lệ rất lớn tinh thần học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh cũng như đối với các cán bộ hướng dẫn và cơ sở đào tạo.

Như vậy, bằng nhiều phương thức đạt học vị khác nhau (nghiên cứu sinh chính quy, nghiên cứu sinh ngắn hạn, cán bộ khoa học bảo vệ tập hợp công trình), công tác đào tạo sau đại học những năm 1981 - 1986 đã có những tiến bộ đáng kể. Quy mô đào tạo ngày càng mở rộng, nhịp độ đào tạo nhanh hơn. Đến năm 1986, một hệ thống đào tạo sau đại học đa dạng với nhiều cơ sở, nhiều chuyên ngành thuộc những lĩnh vực khác nhau đã bước đầu hình thành. Ngoài số cán bộ giảng dạy ở các trường đại học, cán bộ nghiên cứu của các viện, một số cơ sở còn giúp đào tạo nghiên cứu sinh cho các nước láng giềng như Lào và Campuchia. Tính đến năm 1986, sau 10 năm triển khai quyết định của Thủ tướng Chính phủ về đào tạo sau đại học ở trong nước, ta đã đào tạo được 435 nghiên cứu sinh, bao gồm 431 nghiên cứu sinh bảo vệ luận án phó tiến sĩ và 4 nghiên cứu sinh bảo vệ luận án tiến sĩ. Hơn 1000 nghiên cứu sinh đang học tập và thực hiện

luận án ở 51 cơ sở đào tạo, trong đó số nghiên cứu sinh hoàn chỉnh luận án và chuẩn bị bảo vệ mỗi năm gần 100 người [10]. Chính qua thực tiễn đào tạo 10 năm (1976 – 1986), đội ngũ cán bộ giảng dạy và hướng dẫn nghiên cứu sinh đã trưởng thành một bước cả về số lượng và chất lượng, bao gồm các giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, phó tiến sĩ có kinh nghiệm và tinh thần trách nhiệm cao. Bộ máy quản lý công tác đào tạo sau đại học cũng ngày một hoàn thiện hơn, kể cả ở cấp bộ và ở các cơ sở đào tạo.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được trên đây, công tác đào tạo sau đại học của chúng ta cũng còn tồn tại một số nhược điểm cần sớm khắc phục. Điều dễ nhận thấy là Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp chưa xây dựng được một quy chế đào tạo ổn định, đồng thời một số quy định chưa hợp lý cần phải điều chỉnh. Trong công tác đào tạo còn coi nhẹ việc trang bị kiến thức cơ bản, kiến thức cơ sở, ngoại ngữ, kiến thức quản lý; các nghiên cứu sinh về khoa học tự nhiên chưa được trang bị đầy đủ những kiến thức cần thiết về khoa học xã hội và ngược lại, nghiên cứu sinh về khoa học xã hội lại thiếu kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên. Tốc độ đào tạo còn chậm. Bình quân mỗi năm cả nước chỉ đào tạo được khoảng 30 nghiên cứu sinh. Hầu hết các cơ sở đào tạo không đủ để đáp ứng về nhu cầu cán bộ cho chính cơ sở mình. Các ngành nghề đào tạo chủ yếu vẫn là những ngành khoa học cơ bản, các ngành khoa học thuộc lĩnh vực ứng dụng chưa được chú trọng, một số ngành chưa thực sự xuất phát từ yêu cầu thực tiễn sản xuất và đời sống của xã hội. Chưa có chính sách vĩ mô của nhà nước nhằm qui hoạch để hình thành đội ngũ

theo ý đồ phát triển từng ngành khoa học, từng mũi nhọn, những ngành nghề cần ưu tiên... Các bộ, ngành chủ quản, các trường đại học, các viện nghiên cứu khoa học thường xây dựng kế hoạch đào tạo cán bộ theo cách "xếp hàng" thực hiện chế độ, tuổi bình quân của nghiên cứu sinh quá lớn, thường trên 40 [10: 10].

Một vấn đề ảnh hưởng đáng kể đến công tác đào tạo sau đại học thời gian này là kinh phí đào tạo. Mặc dù nhà nước đã giao nhiệm vụ đào tạo sau đại học cho các cơ sở nhưng không có một khoản kinh phí thích ứng tối thiểu nào cho công tác này. Để duy trì việc đào tạo, các cơ sở thường trích từ phần kinh phí hoạt động khoa học để trang trải nên cơ sở vật chất và điều kiện giảng dạy, hướng dẫn luận án của thầy và điều kiện học tập của nghiên cứu sinh gặp nhiều khó khăn. Các khoản chi phí cho thí nghiệm, thực tập, in ấn luận án, bồi dưỡng cho cán bộ hướng dẫn... nghiên cứu sinh phải tự lo liệu nên ảnh hưởng khá lớn đến tiến độ, số lượng và chất lượng đào tạo, chưa khuyến khích những người có năng lực và trình độ làm nghiên cứu sinh trong nước. Tình trạng cán bộ "xếp hàng" chờ làm nghiên cứu sinh ở nước ngoài vẫn khá phổ biến ở nhiều bộ, ngành... Những nhược điểm trên đây đã ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả đào tạo sau đại học thời gian qua.

\*

Mười năm triển khai quyết định của Thủ tướng Chính phủ về đào tạo sau đại học trong nước (1976 – 1986) đánh dấu bước trưởng thành trong đào tạo sau đại học. Xuất phát từ chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp, các trường đại học và

các bộ, ngành liên quan đã xác định rõ phương hướng, nhiệm vụ, xây dựng các văn bản pháp lí, xây dựng và phát triển cơ sở đào tạo và tổ chức đào tạo sau đại học. Với sự nỗ lực của cả người dạy lẫn người học, một hệ thống đào tạo sau đại học trong nước khá đa dạng với nhiều cơ sở, nhiều chuyên ngành thuộc những lĩnh vực khác nhau đã bước đầu hình thành và tập trung bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học có trình độ cao, đáp ứng một phần nhu cầu cấp thiết của công cuộc xây dựng nền kinh tế, phát triển văn hóa của đất nước. Qua 10 năm xây dựng và trưởng thành, quy mô đào tạo sau đại học tuy còn nhỏ bé nhưng đã khẳng định được năng lực và hiệu quả của hệ thống. Thành tựu quan trọng của 10 năm đầu chính thức triển khai đào tạo sau đại học trong nước (1976 – 1986) là đã xây dựng được một đội ngũ cán bộ hướng dẫn khoa học trưởng thành về số lượng và chất lượng, bao gồm các giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, phó tiến sĩ có kinh nghiệm; bộ máy và cơ chế quản lí công tác đào tạo sau đại học ngày càng hoàn thiện hơn.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, đào tạo sau đại học cần phải nhanh chóng khắc phục nhược điểm bằng việc ban hành những chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước đồng thời xây dựng qui chế đào tạo ổn định, tăng cường cơ sở vật chất về thiết bị, tư liệu, thông tin khoa học, xây dựng đội ngũ cán bộ vững mạnh, thực hiện gắn kết hơn nữa giữa đào tạo sau đại học với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đây cũng chính là nhiệm vụ trọng tâm của đào tạo sau đại học trong giai đoạn tiếp theo. *(Xem kì sau: Ngành giáo dục thực hiện đổi mới trong đào tạo sau đại học (1986 - 1995).*

**THE DEVELOPMENT STAGES OF VIETNAMESE EDUCATION  
IN THE FIELD OF POST-GRADUATE TRAINING**

**Nguyen Van Hiep – Pham Van Thinh**

*Thu Dau Mot University*

**ABSTRACT**

*By collecting and systemizing materials from different resources, in this article, we will provide necessary information on the establishment, implementation process, the organizational consolidation, the program and training content completion and scale enlargement, focusing on the post-graduate training quality in the country from 1945 until now. In the foundation of the development stages, we initially state the achievements, limitations and some experience for inheritance in the current education and training development. This research also partly fills the spaces in the panorama of the education and training of Vietnam, contributing to the scientific foundation and reality for better awareness of the status of education and training and of the scientific-technical workforce in the process of enhancing the country's industrialization and modernization.*

**STAGE 2**

**TEN YEARS OF DEVELOPING, CONSOLIDATING ORGANISATION  
AND IMPROVING POST GRADUATE NATIONAL PROGRAMS**

**(1976-1986)**

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1] Bộ Chính trị (khoá IV), Nghị quyết số 14-NQ/TW về cải cách giáo dục, Hà Nội, 11/1/1979.
- [2] Bộ Chính trị (khoá IV), Nghị quyết số 37-NQ/TW về chính sách khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 20/4/1981.
- [3] Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp, "Công tác đào tạo sau đại học ở trong nước từ năm 1976 đến năm 1982", Tạp chí *Đại học và Trung học Chuyên nghiệp*, số 9, 1982.
- [4] Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp, *Quy định về bảo vệ luận án phó tiến sĩ, tiến sĩ khoa học và công nhận học vị*, Hà Nội, 1983.
- [5] Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp, *Quy định về chế độ nghiên cứu sinh*, Hà Nội, 1983.
- [6] Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp, *Về công tác đào tạo nghiên cứu sinh trong nước*, Tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ, Hà Nội, 1984.
- [7] Chính phủ, Quyết định về đào tạo sau đại học ở trong nước, số 224-TTg, ngày 24/5/1976.
- [8] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, NXB Sự Thật, 1982.
- [9] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 37 (1976), NXB Chính trị Quốc gia, 2004.
- [10] Trần Hồng Quân, "12 năm đào tạo, bồi dưỡng sau đại học", Tạp chí *Đại học và Giáo dục Chuyên nghiệp*, số 9, 1989.